

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 230/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 10 -2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Năm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Chánh**.

Bà **Thiều Thị Phi Loan**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà **Trần Thị Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị Tú O**, sinh năm 1980.

Địa chỉ : Tổ , Khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông **Lê Trung T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ : Tổ , Khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà O có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hoàng Thị Tú O trình bày:

Bà và ông Lê Trung T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Q. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà đã nhiều lần tìm hướng giải quyết nhưng không được nên không ai quan tâm đến ai từ nhiều năm nay. Nay tình cảm vợ chồng bà không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông T.

-Về con chung: Có 02 con chung tên là :

1.Lê Trung Hoàng L, sinh ngày 09/03/2004.

2.Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/08/2009.

Khi ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Hôn nhân giữa vợ chồng bà Hoàng Thị Tú O và ông Lê Trung T phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O. Công nhận bà O được ly hôn với ông T. Giao 02 con chung là : Lê Trung Hoàng L, sinh ngày 09/03/2004 và Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/08/2009 cho bà O trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà O không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung bà O trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hoàng Thị Tú O khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Lê Trung T hiện đang cư trú tại : Tổ , Khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T đầy đủ. Tuy nhiên ông T vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà O có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2002 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Q. Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là

hôn nhân hợp pháp.

Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 13/5/2021 thể hiện : Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà O và ông T là có thật, thường xuyên cãi nhau và xô xát, đánh nhau xuất phát từ vấn đề tiền bạc.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai người có điều kiện hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T không đến. Qua đó cho thấy bà O và ông T tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để cho họ ly hôn. Do vậy, chấp nhận cho bà O được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Lê Trung Hoàng L, sinh ngày 09/03/2004 và Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/08/2009. Khi ly hôn, bà O xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng này của bà O phù hợp với nguyện vọng của cả 02 con chung đều xin được ở với mẹ. Nên chấp nhận yêu cầu của bà O, giao 02 con chung cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà O không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà O trình bày tài sản chung và nợ chung không có. Tuy nhiên, do ông T vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Áp dụng các Điều 9 và Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

-Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn bà Hoàng Thị Tú O.

Bà **Hoàng Thị Tú O** được ly hôn với ông **Lê Trung T**.

2. Về con chung: Có 02 cháu tên là :

Lê Trung Hoàng L, sinh ngày 09/03/2004.

Lê Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/08/2009.

Giao 02 cháu L và N cho bà Hoàng Thị Tú O trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Thắng được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Tú O phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo phiếu thu số 0007976 ngày 31/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà O đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS TP Biên Hòa, ĐN;
- UBND xã Vĩnh Giang, Vĩnh Linh, Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Năm